TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 159/2019/QĐST-HNGĐ	*Gò Vấp, ngày 20 tháng 02 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

- Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 22/2019/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 01 năm 2019, giữa:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị Thanh H - sinh năm: 1983; Địa chỉ: đường I, phường T, quận Đ, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông Hồ Công Minh N – sinh năm: 1982; Địa chỉ: Chung cư L, Phường U, quận V, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Công ty Cổ phần M1; Địa chỉ: đường H, phường T, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền: Bà Đỗ Thị Hoàng L, sinh năm: 1983; Địa chỉ: đường Y, phường U, quận V, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Căn cứ Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 55, 57, 58, 59, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 11 tháng 02 năm 2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 11 tháng 02 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị Thanh H - sinh năm: 1983; Địa chỉ: Đường I, phường T, quận Đ, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông Hồ Công Minh N – sinh năm: 1982; Địa chỉ: Chung cư L, Phường U, quận V, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Công ty Cổ phần M1; Địa chỉ: đường H, phường T, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền: Bà Đỗ Thị Hoàng L, sinh năm: 1983; Địa chỉ: đường Y, phường U, quận V, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Thanh H và ông Hồ Công Minh N thuận tình ly hôn.

Giấy chứng nhận kết hôn số:118, quyển số: 01 cấp ngày 08 tháng 8 năm 2009 của UBND phường T, quận Đ hết hiệu lực.

- Về con chung: Giao con chung tên là Hồ Lê M2, sinh ngày 15/11/2011 cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến tuổi trưởng thành. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho ông N đến khi bà H có yêu cầu.

Ông N được quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung.

Bà H có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của ông N, nếu ông N lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc người thân thích; Cơ quan quản lý nhà nước về Gia đình; Cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em; Hội Liên hiệp Phụ nữ, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Vì lợi ích con chung, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Tài sản chung hợp nhất trong thời kỳ hôn nhân của Bà Lê Thị Thanh H và ông Hồ Công Minh N yêu cầu Tòa án giải quyết là: Căn hộ L, diện tích căn hộ 78.55 m^2, tọa lạc tại địa chỉ số: Đường Y, Phường U, quận V, Thành phố Hồ Chí Minh; theo Hợp đồng mua bán nhà ở, công trình xây dựng hình thành trong tương lai số: 115-04/2014/NMHĐMB ngày 07/4/2014 do Công ty Cổ phần M1 là chủ đầu tư dự án.

Hai bên thống nhất căn hộ hiện tại giá trị bằng giá trị mà bà H và ông N đã mua của Công ty Cổ phần M1 theo Hợp đồng mua bán số: 115-04/2014/NMHĐMB ngày 07/4/2014 là: 1.201.102.728 đồng (*Bằng chữ: Một tỷ, hai trăm lẻ một triệu, một trăm lẻ hai nghìn, bảy trăm hai mươi tám đồng*); tương ứng với giá thị trường, không có dấu hiệu trốn tránh nghĩa vụ nộp án phí, lệ phí.

Bà Lê Thị Thanh H và ông Hồ Công Minh N thỏa thuận và thống nhất phân chia như sau:

Bà H được toàn quyền sở hữu Căn hộ L, diện tích căn hộ 78.55 m^2, tọa lạc tại địa chỉ số: Đường Y, Phường U, quận V, Thành phố Hồ Chí Minh; theo Hợp đồng mua bán nhà ở, công trình xây dựng hình thành trong tương lai số: 115-04/2014/NMHĐMB ngày 07/4/2014 do Công ty Cổ phần M1 là chủ đầu tư dự án. Bà H có trách nhiệm tiếp tục đóng tiếp số tiền 60.055.136 đồng (*Bằng chữ: sáu mươi triệu không trăm năm mươi lăm nghìn một trăm ba mươi sáu đồng*) khi Công ty Cổ phần M1 yêu cầu theo Hợp đồng số:115-04/2014/NMHĐMB ngày 07/4/2014 mua bán dự án căn hộ L, phường U, quận V, Thành phố Hồ Chí Minh giữa các bên. Bà H và Công ty Cổ phần M1 có trách nhiệm liên hệ với các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu của Căn hộ L, diện tích căn hộ 78.55 m^2, tọa lạc tại địa chỉ số: đường Y, phường U, quận V, Thành phố Hồ Chí Minh cho riêng Bà Lê Thị Thanh H đứng tên; Bà Lê Thị Thanh H phải nộp nghĩa vụ tài chính về thuế trong quá trình cấp Giấy chứng nhận nếu có.

- Về nợ chung: Không có

- Về án phí:

+ Án phí hôn nhân sơ thẩm hòa giải thành là 150.000 đồng, bà H tự nguyện chịu.

+ Án phí có giá ngạch đối với tài sản chung vợ chồng khi ly hôn hòa giải thành:

Ông N không hưởng giá trị tài sản nên ông N không phải chịu án phí.

Bà H được hưởng giá trị tài sản: 1.201.102.728 đồng (*Bằng chữ: Một tỷ, hai trăm lẻ một triệu, một trăm lẻ hai nghìn, bảy trăm hai mươi tám đồng*). Án phí có giá ngạch đối với tài sản chung vợ chồng khi ly hôn hòa giải thành bà H phải chịu là: 24.016.541 đồng (Hai mươi bốn triệu, không trăm mười sáu nghìn, năm trăm bốn mươi mốt đồng). Bà H đã nộp số tiền 16.763.846 đồng theo biên lai thu tiền số AA/2018/0001774 ngày 26/12/2018 và cấn trừ số tiền 150.000 đồng theo biên lai thu tiền số số AA/2018/0001775 ngày 26/12/2018 của Chi cục thi hành án dân sự quận Gò Vấp. Số tiền án phí bà H phải nộp là: 24.016.541 đồng - 16.763.846 đồng - 150.000 đồng = 7.102.695 đồng *(Bằng chữ: Bảy triệu, một trăm lẻ hai nghìn, sáu trăm chín mươi lăm đồng)*.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKS quận Gò Vấp;
- UBND phường T, quận Đ;
- Chi cục THA Dân sự Gò Vấp;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Huy Hoàng